

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2019/DS - PT.

Ngày 24/10/2019

*“V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Huyền

Ông Nguyễn Việt Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú T tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLPT- DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2019/QĐXXPT - DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Ông Doãn Dũng H – sn 1959 (ủy quyền cho bà Đ).

Bà Bùi Thị Đ – sn 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Khu Xén, xã H, huyện S, tỉnh Phú T.

2 - Bị đơn: Ông Đặng Hoa T - sn 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm Châm II, xã L, huyện S, tỉnh Phú T.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

– Bà Đỗ Thị H – sinh năm 1961 (vợ ông T - có mặt).

Địa chỉ: Xóm Châm II, xã L, huyện S, tỉnh Phú T.

4 - Người kháng cáo: Ông Đặng Hoa T - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn trình bày: Ngày 23/10/2011 ông Doãn Dũng H và bà Bùi Thị Đ có cho ông Đặng Hoa T vay số tiền mặt là 150.000.000đồng nhưng do tin tưởng và thiếu hiểu biết nên hai bên ghi nội dung vay tiền vào hợp đồng cầm đồ. Khi vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Ông T có hẹn đến ngày 23/5/2012 sẽ thanh toán đầy đủ số tiền trên, nếu không thanh toán được sẽ trả bằng đất. Đến năm 2015 ông T mới thanh toán cho vợ cH ông H số tiền 40.000.000đồng(Bà H vợ ông T trực tiếp thanh toán cho bà Đ), hiện nay ông T còn nợ vợ cH ông H số tiền nợ gốc là 110.000.000đồng. Ông H và bà Đ đã nhiều lần đến đòi nhưng ông T không trả. Nay ông H và bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho ông H, bà Đ toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn ông Đặng Hoa T trình bày như sau: Năm 2012 ông Đặng Hoa T và vợ là bà Đỗ Thị H có đến nhà ông Doãn Dũng H và bà Bùi Thị Đ để vay số tiền 40.000.000đồng, khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi là 3.000đồng/triệu/ngày hai bên có viết giấy vay tiền ông T và vợ là bà H có trực tiếp ký vào giấy vay tiền. Sau đó hàng tháng ông T đều trả lãi đầy đủ. Đến năm 2015 ông T, bà H đã trả được 40.000.000đồng tiền gốc. Cũng trong khoảng thời gian năm 2011, 2012 ông T có nợ tiền lô đề của ông H và bà Đ (khi đó ông H và bà Đ là chủ đề), cụ thể nợ bao nhiêu tiền thì ông T không nhớ. Sau đó do khó khăn ông T chưa trả được, ông H và bà Đ có cho người đến đòi và ép ông T pH ký vào hợp đồng cầm đồ với nội dung là có vay số tiền mặt 150.000.000đồng trong đó có 40.000.000đ vay tiền mặt, sau đó ông T và gia đình đã trả làm nhiều lần cho ông H và bà Đ, trả bằng tiền mặt và bằng bằng đề, nay ông T không còn nợ bất kỳ khoản tiền nào của ông H và bà Đ nữa. Vì vậy nay ông H và bà Đ khởi kiện ông T không nhất trí trả số tiền trên, ông T khẳng định ông không còn giữ giấy tờ tài liệu liên quan đến việc vay và trả nợ cũng như nợ lô đề với ông H, bà Đ ngoài giấy biên nhận thanh toán 40.000.000đ nợ gốc do bà Đ viết, số tiền còn lại ghi trong giấy biên nhận là tiền nợ lô đề của ông T với ông H, bà Đ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị H thống nhất như lời trình bày của ông Đặng Hoa T không bổ sung gì thêm và khẳng định bà không còn giữ giấy tờ tài liệu liên quan đến việc vay và trả nợ với ông H, bà Đ ngoài giấy biên nhận thanh toán 40.000.000đ nợ gốc do bà Đ viết ngày 27/8/2015, số tiền còn lại ghi trong giấy biên nhận là tiền ông T nợ tiền lô đề với ông H, bà Đ, nhưng sau đó bà H và ông T đã trả hết cho ông H, bà Đ nay không còn nợ nần gì nữa.

+ **Tại bản án** sơ thẩm :09/2019/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S đã áp dụng: Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1

Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Dũng H và bà Bùi Thị Đ. Buộc ông Đặng Hoa T pH trả cho ông Doãn Dũng H và bà Bùi Thị Đ số nợ gốc là 110.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 2.769.000đồng, $(110.000.000đ \times 0,83\% \times 03 \text{ tháng } 01 \text{ ngày})$. Tổng cả gốc và lãi ông T pH trả cho ông H, bà Đ là 112.769.000đồng. Ông T pH thanh toán một lần số tiền trên cho ông H, bà Đ. Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm trả, tuyên về thi hành án, tính án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 28/8/2019 ông Đặng Hoa T có đơn kháng cáo với nội dung ông đã trả hết tiền cho vợ cH ông H bà Đ, không nhất trí bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn đề nghị xét xử theo đơn kháng cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nội dung đơn kháng cáo của ông Đặng Hoa T trình bày đã trả hết tiền cho vợ cH ông H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời khai của ông T thì năm 2015 đã trả đủ 40.000đ nhưng còn nợ một số tiền lô đề, tuy nhiên tại giấy biên nhận ngày 27/8/2015 bà H đã ghi và ký *“trả 40.000đ tiền gốc, số tiền còn lại anh chị hẹn sẽ thanh toán nốt trong một thời gian ngắn”* có nghĩa là vẫn còn nợ một khoản tiền nữa chứ không pH đã trả hết. Tại lời khai của bà H xác định số tiền còn lại là tiền lô đề, bà đã đem trả thay ông cho ông T nhưng bà cũng không lấy xác nhận việc đã trả tiền. Tại cấp sơ thẩm đã yêu cầu bị đơn xuất trình các căn cứ là việc nợ lô đề, căn cứ các khoản tiền đã trả nợ, tuy nhiên bị đơn và bà H cũng không có căn cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó trong lời khai và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T vẫn thừa nhận chữ viết bằng bút mực và chữ ký trong “Hợp đồng cầm đồ” là chữ của mình, ông T trình bày là bị ép nên mới ký vào “Hợp đồng cầm đồ”, tuy nhiên trong suốt thời gian đó đến nay ông T cũng không xuất trình được căn cứ nào chứng minh mình bị ép buộc mà pH ký vào “Hợp đồng cầm đồ” (BL 08a,20,23, 33, 30 ...). Như vậy giấy vay tiền thì có, giấy trả tiền thì không có, chứng minh việc bị ép buộc là không có, chứng minh việc vay nợ do chơi “lô đề” thì không có căn cứ.

[2] Với nhận định và phân tích nêu trên thì cần xác định sự thỏa thuận giữa hai vay mượn nêu trên, không có căn cứ nào xác định có việc ép buộc nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông H là có căn cứ, do đó kháng cáo của ông T là không được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên trong phần quyết định có ghi “Ông T phải thanh toán một lần số tiền trên cho ông H, bà Đ”, Hội đồng xét xử thấy rằng phần tuyên này là không phù hợp, cách tuyên này chỉ được áp dụng đối với một số trường hợp thật cần thiết, cấp bách như cấp dưỡng sau ly hôn, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe... còn trong vụ án này là kiện đòi tiền thì không có quy định nào phải trả tiền một lần, do đó cần bỏ phần quyết định này của bản án sơ thẩm, tuy nhiên cũng chỉ cần rút kinh nghiệm mà không phải tuyên sửa án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng: Áp dụng Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
 - + Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Hoa T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
 - + Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Dũng H và bà Bùi Thị Đ. Buộc ông Đặng Hoa T phải trả cho ông Doãn Dũng H và bà Bùi Thị Đ số nợ gốc là 110.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 2.769.000đồng, (110.000.000đ x 0,83% x 03 tháng 01 ngày). Tổng cả gốc và lãi ông T phải trả cho ông H, bà Đ là 112.769.000đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng).
- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa trả được số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Trùng hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Hoa T pH chịu 300.000đ án phí phúc thẩm dân sự. Xác nhận ông T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số: 0001855 ngày 04/9/2019 của Chi cục THADS huyện S.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện S;
- THADS huyện S.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trường Sơn